

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Đông,
huyện KBang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ v/v quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định 1559/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện KBang về việc phê duyệt Điều chỉnh đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đông, huyện KBang, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Công văn số 1778 /SXD-QLQH ngày 12/9/2022 của Sở Xây dựng về việc tham gia ý kiến nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Lang,

Sơ Pai, Đông, Kon Pne, Lơ Ku, Đak Smar, Nghĩa An, Đăk Hlơ, Kông Bờ La, huyện KBang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032;

Xét Tờ trình số 48 /TTr-UBND ngày 28/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã Đông và Báo cáo thẩm định số: 46/BCTĐ-KT&HT ngày 28/9/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Đông, huyện KBang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032 với nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Đông, huyện KBang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032.

2. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

*** Phạm vi lập quy hoạch:** Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch trên phạm vi toàn xã.

*** Ranh giới:**

Xã Đông nằm về phía Nam huyện, cách trung tâm huyện khoảng hơn 4 km. Có tọa độ địa lý $14^{\circ}05'32''$ – $14^{\circ}5'04''$ vĩ độ Bắc và $108^{\circ}31'04''$ – $108^{\circ}40'53''$ kinh độ Đông.

- Bắc giáp Thị trấn Kbang và xã Đăksmar huyện Kbang, tỉnh Gia Lai

- Nam giáp xã Kông Long Khong, Kông Bờ la và xã Đăk Hlơ huyện Kbang, Gia lai

- Đông giáp xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai

- Tây giáp xã Lơ Ku và xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

3. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ động lực phát triển kinh tế chủ đạo của xã:

*** Quan điểm:**

- Quy hoạch phải dựa trên phân tích kỹ các đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội của địa phương nhằm phát huy được các lợi thế và hạn chế các tác động tiêu cực.

- Quy hoạch phải theo hướng giải quyết tốt vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân về xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

- Quy hoạch phải đảm bảo sự phát triển bền vững và gắn với việc thực hiện các chính sách xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn đảm bảo điều kiện liên hệ thuận tiện trong sinh hoạt và sản xuất của người dân.

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa việc xây dựng hiện tại với dự kiến phát triển tương lai.

- Dẫn lấp đầy những vị trí đất trong các khu dân cư để tạo điều kiện hình thành các khu dân cư tập trung.

- Đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

- Đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất cho việc xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.

- Đảm bảo yêu cầu về cấp thoát nước, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường.

- Đảm bảo các yêu cầu về an ninh, quốc phòng,...

*** Mục tiêu và nhiệm vụ quy hoạch:**

+ Mục tiêu:

Mục tiêu lập quy hoạch nhằm thúc đẩy quá trình đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới hiệu quả, có chất lượng, bền vững hơn về môi trường, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, đảm bảo an ninh lương thực trên cơ sở tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh, đổi

mới mô hình phát triển theo mô hình mạng lưới, xanh, thông minh, bền vững; từng bước xây dựng và củng cố vững chắc nông thôn theo các tiêu chí nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; có cơ sở hạ tầng kỹ thuật phù hợp, đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, có vai trò, vị thế xứng đáng, có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng.

+ Nhiệm vụ quy hoạch:

- Bố trí sử dụng đất với các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp đảm bảo hài hoà giữa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, phục vụ trực tiếp cho xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất trên địa bàn.

- Quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã theo hướng đồng bộ, phát triển có sự chọn lọc và kế thừa hệ thống cơ sở hạ tầng hiện tại.

- Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư và là cơ sở để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

*** Động lực phát triển kinh tế chủ đạo của xã:**

- Xã Đông có nguồn nhân lực chất lượng tương đối cao và dồi dào, vị trí địa lý, giao thông đi lại rất thuận lợi, tạo điều kiện cho nhân dân trên địa bàn nói chung và nông dân của xã nói riêng dễ tiếp cận và giao lưu với văn hóa, khoa học hiện đại; khả năng tiếp cận và nắm bắt được các vấn đề kinh tế - xã hội cao, từ đó thay đổi phương thức làm ăn và tập trung nhiệm vụ phát triển kinh tế hộ, nhiều hộ gia đình nông dân sản xuất giỏi.

- Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận người lao động trình độ hạn chế, khó khăn trong tiếp cận KH-KT, không có chuyên môn, chưa qua đào tạo, cần tập huấn để nâng cao năng lực và kỹ năng trong tổ chức sản xuất, ứng dụng một số tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là đối với lao động là nông dân của các làng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Trong định hướng phát triển chung, trên địa bàn xã Đông sản xuất nông nghiệp vẫn được chú trọng phát triển. Công tác tổ chức sản xuất cần được quan tâm. Ngoài các sản phẩm thông dụng hiện có sẽ phát triển sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao đem lại giá trị kinh tế và hiệu quả cao hơn.

- Định hướng phát triển kinh tế của xã xác định tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, thương mại.

4. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số, lao động; quy mô đất đai; các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

4.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn xã năm 2022 là 6.104 người.

- Quy mô dân số định hướng đến năm 2032: 6.516 người.

4.2. Dự báo lao động:

- Dự báo lao động đến năm 2032: 3.258 người.

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Đông: 3.760,5 ha.

- Quy mô đất đai trên phạm vi toàn xã đến năm 2032: 3.760,5 ha.

4.4. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

4.4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất:

*** Chỉ tiêu sử dụng đất điểm dân cư nông thôn:**

Loại đất	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)
Đất xây dựng công trình nhà ở	≥ 25
Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	≥ 5
Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	≥ 5
Cây xanh công cộng	≥ 2

CHÚ THÍCH: Không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh, huyện.

*** Quy định về quy mô tối thiểu của các công trình công cộng, dịch vụ:**

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
1. Giáo dục			
a. Trường, điểm trường mầm non - Vùng đồng bằng: - Vùng miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa:	50 chỗ/1.000 dân	12 m ² /chỗ	1 km 2 km
b. Trường, điểm trường tiểu học - Vùng đồng bằng: - Vùng miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa:	65 chỗ/1.000 dân	10 m ² /chỗ	1 km 2 km
c. Trường trung học	55 chỗ/1.000 dân	10 m ² /chỗ	
2. Y tế			
Trạm y tế xã - Không có vườn thuốc - Có vườn thuốc	1 trạm/xã	500 m ² /trạm 1.000 m ² /trạm	
3. Văn hóa, thể thao công cộng			
a. Nhà văn hóa		1.000 m ² /công trình	
b. Phòng truyền thống		200 m ² /công trình	
c. Thư viện		200 m ² /công trình	
d. Hội trường		100 chỗ/công trình	
e. Cụm công trình, sân bãi thể thao		5.000 m ² /cụm	
4. Chợ, cửa hàng dịch vụ			
a. Chợ	1 chợ/xã	1.500 m ²	
b. Cửa hàng dịch vụ trung tâm	1 công trình/khu trung tâm	300 m ²	
5. Điểm phục vụ bưu chính viễn thông			
Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông (bao gồm cả truy cập Internet)	1 điểm/xã	150 m ² /điểm	
CHÚ THÍCH 1: Các hạng mục văn hóa, thể thao công cộng phải kết hợp trong cùng nhóm công trình để đảm bảo sử dụng khai thác hiệu quả;			

4.4.2. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

4.4.2.1. Cấp điện:

- Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo đạt tối thiểu là ≥ 150 W/người.
- Nhu cầu điện cho công trình công cộng phải đảm bảo lớn hơn 15% nhu cầu điện sinh hoạt.

4.4.2.2. Cấp nước:

- Nước cấp cho sinh hoạt: Trường hợp cấp nước đến hộ gia đình đảm bảo tối thiểu ≥ 60 lít/người/ngày đêm. Trường hợp cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng đảm bảo tối thiểu ≥ 40 lít/người/ngày đêm
- Nước rửa đường $0,4$ lít/m²/ngày đêm.

4.4.2.3. Thoát nước:

- Tối thiểu phải thu gom đạt $\geq 80\%$ lượng nước thải phát sinh để xử lý.

4.4.2.4. Rác thải sinh hoạt:

- Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: $0,8$ kg/người-ngày;

4.4.2.5. Hệ thống thông tin liên lạc:

- Tỷ lệ đường dây thuê bao cố định $20 - 25$ đường/100 dân.
- Tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng cố định $15 - 20$ thuê bao/100 dân.
- Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động $35 - 40$ thuê bao/100 dân.
- Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại cố định $40 - 45\%$; tỷ lệ hộ gia đình có truy cập Internet $35 - 40\%$; tỷ lệ người sử dụng Internet $55 - 60\%$.

(Ghi chú: Các chỉ tiêu sẽ được rà soát và tính toán cụ thể trong quá trình triển khai nghiên cứu quy hoạch và đảm bảo phù hợp với QCVN 01-2021/BXD, QCVN 07:2016/BXD và các văn bản quy định mới ban hành)

5. Các nội dung nghiên cứu lập quy hoạch:

5.1. Hiện trạng hạ tầng xã hội, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, tính chất, chức năng; các yếu tố tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của xã:

a. Hiện trạng hạ tầng xã hội:

*** Hiện trạng thôn xóm và nhà ở:**

- Phân bố dân cư: Dân cư phân bố trên địa bàn xã thành 6 thôn (Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3, Thôn 4, Thôn 5, Thôn 6).
- Về hiện trạng nhà ở: Tập trung mật độ tương đối cao tại khu vực trung tâm xã, đặc biệt là dọc theo trục tỉnh lộ 669 và các trục đường chính tuyến 2, 3 của khu trung tâm, nhà ở dân cư phần lớn đã được kiên cố hóa, chủ yếu là nhà xây từ 1 - 2 tầng, một số ít nhà có chiều cao 3 - 4 tầng. Ngoài ra, dân cư còn tập trung tại trung tâm các làng của khu trung tâm xã và dọc theo một số tuyến đường liên thôn, liên làng, nhà ở chủ yếu là nhà cấp 4, một số ít là nhà sàn ván gỗ, nét đặc trưng của người đồng bào Bahnar.

- Về hiện trạng không gian cảnh quan tại các khu dân cư cơ bản đáp ứng yêu cầu về các tiêu chí cho xã nông thôn mới về giao thông, đường làng, ngõ xóm...

*** Hiện trạng công trình công cộng:**

- + Công trình hành chính:
- Có đầy đủ trụ sở, cơ quan ban ngành cấp xã.
- + Chợ:

- Duy trì mức độ đã đạt chuẩn của tiêu chí NTM giai đoạn 2017-2020.
- Trên địa bàn xã không có chợ, các cửa hàng kinh doanh tổng hợp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng việc cung cấp các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cho cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của người dân.

- Do đặc điểm xã cách trung tâm huyện 4 km do đó mọi hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa thiết yếu của người dân trên địa bàn xã đều thực hiện tại chợ trung tâm huyện và một số cửa hàng tạp hóa trên địa bàn xã.

- Về thương mại dịch vụ: Tập trung chủ yếu tại khu vực trung tâm xã và dọc theo trục tỉnh lộ 669. Các làng có một số hộ gia đình người Kinh thu mua nông sản và kết hợp bán tạp hóa nhỏ lẻ phục vụ cho nhu cầu của người dân tại từng khu vực.

+ Trường học:

- Duy trì mức độ đã đạt chuẩn của tiêu chí NTM giai đoạn 2017-2020.
- Bổ sung trang thiết bị cho các cơ sở trường học để sẵn sàng dạy và học trực tuyến qua mạng Internet; thực hiện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3.

+ Y tế:

- Duy trì mức độ đã đạt chuẩn của tiêu chí NTM giai đoạn 2017-2020.
- Hiện đã có trạm y tế xã phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn xã.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của trạm y tế xã, đẩy mạnh truyền thông giáo dục sức khỏe, huy động cộng đồng tham gia thực hiện các chương trình y tế phòng chống dịch bệnh, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, giải quyết vấn đề về vệ sinh phòng bệnh tại khu dân cư.

+ Văn hóa - thể thao:

- Duy trì mức độ đã đạt chuẩn của tiêu chí NTM giai đoạn 2017-2020.
- Trung tâm văn hóa xã được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả, có đầy đủ các thiết bị phòng chức năng phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân trên địa bàn. Đài phát thanh đảm bảo công tác truyền thanh đến các thôn để thông tin, tuyên truyền cho người dân.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi được đầu tư các dụng cụ phục vụ cho nhu cầu vui chơi, giải trí, thể dục thể thao.

- Hiện tại có 06/6 thôn có nhà văn hóa; Nhà văn hóa các thôn thường xuyên được duy tu, sửa chữa.

*** Hiện trạng kiến trúc:**

- Các công trình kiến trúc chính phần lớn tập trung tại khu trung tâm xã bao gồm: Trụ sở làm việc của xã, trạm y tế, các công trình giáo dục Mẫu giáo, tiểu học, THCS và công trình nhà ở của người dân kiên cố nằm dọc theo trục tỉnh lộ 669 đây là điểm nhấn chính về kiến trúc cảnh quan và là bộ mặt cho khu trung tâm.

- Kiến trúc về nhà ở và các công trình công cộng cấp thôn, làng tập trung tại trung tâm các thôn, làng phần lớn cũng đã được kiên cố hóa. Một phần như nhà ở còn lại của người Bahnar trên địa bàn xã còn mang tính truyền thống.

*** Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật:**

+ Giao thông:

- Duy trì mức độ đã đạt chuẩn của tiêu chí NTM giai đoạn 2017-2020.
- Đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn xã kết nối được thông suốt đến các khu sản xuất tập trung bằng phương tiện cơ giới; tỷ lệ km đường giao thông nội làng, thôn xóm được cứng hóa 100%.

- + *Cấp điện:*
 - Duy trì mức độ đã đạt chuẩn của tiêu chí NTM giai đoạn 2017-2020.
 - Hệ thống điện trên địa bàn xã đảm bảo cho người dân sử dụng điện phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt đảm bảo an toàn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện
 - Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn đạt 99%
- + *Cấp nước:*
 - Duy trì mức độ đã đạt chuẩn của tiêu chí NTM giai đoạn 2017-2020.
 - Hiện trạng người dân chủ yếu sử dụng nước giếng đào hoặc giếng khoan.
 - Tổng số hộ sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn xã chiếm tỷ lệ 57%.
- + *San nền và thoát nước mưa:*
 - Nền đất: Địa hình tương đối bằng phẳng tại khu trung tâm, ngoài ra một số khu vực địa hình có sự chia cắt theo các hợp thủy về các nhánh suối, ao hồ...
 - Thoát nước: Đã được đầu tư xây dựng tại một số tuyến đường chính và đang từng bước hoàn thiện tại khu vực trung tâm xã... Các khu vực thôn làng chủ yếu thoát nước theo địa hình tự nhiên về các khu vực hợp thủy và đổ ra suối.
- + *Thông tin liên lạc:*
 - Hiện nay khu vực quy hoạch đã có mạng lưới thông tin liên lạc.
 - Thông tin di động khu quy hoạch nằm trong khu vực phủ sóng của hầu hết của các nhà cung cấp dịch vụ.

b. Tính chất, chức năng:

- Là xã có tính chất quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, thể dục thể thao, an ninh quốc phòng của huyện KBang.

c. Các yếu tố tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của xã:

- Là khu vực sản xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp bền vững.

5.2. Tổ chức không gian về bố trí mạng lưới dân cư, mạng lưới các công trình công cộng, công trình phục vụ sản xuất:

- Phân bố dân cư: xác định các khu vực dân cư hiện trạng cải tạo, các khu vực dân cư phát triển mới (vị trí, quy mô) lưu ý đến vấn đề bố trí tập trung để đảm bảo thuận lợi cung cấp hạ tầng kỹ thuật và tạo dựng bộ mặt kiến trúc cảnh quan cho từng khu vực.
- Hệ thống các công trình công cộng: các công trình hiện trạng cải tạo, các công trình xây dựng mới (nêu rõ vị trí, quy mô, các hạng mục cải tạo và xây dựng mới).
- Các giải pháp cải tạo và xây mới đối với các loại nhà ở: giải pháp tổ chức lô đất các yêu cầu về kiến trúc công trình, cổng, tường rào...
- Công trình CN- TTCN và phục vụ sản xuất: vị trí, quy mô các khu chăn nuôi tập trung và TTCN, các khu vực sản xuất khác...
- Định hướng quy hoạch sử dụng đất.
- Định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan cho khu dân cư, nhà ở, công trình công cộng.

5.3. Tổ chức mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất:

- * Chuẩn bị kỹ thuật:
- San nền: san lấp cục bộ khu vực xây dựng công trình, các khu vực khác giữ nguyên địa hình hiện trạng.

- Thoát nước: chia khu vực thành những lưu vực thoát nước chính, chế độ thoát nước tự chảy dựa vào độ dốc địa hình tự nhiên, bố trí cống thoát nước cho khu vực có đông hộ gia đình tập trung sinh sống.

* Giao thông: các trục đường xã cần được xây dựng mở rộng hoàn chỉnh.

- Tận dụng tối đa các đường sản xuất đã có đáp ứng yêu cầu đi lại thuận tiện, nối liền các tuyến đường huyện, đường xã để người dân đi làm và thu hoạch sản phẩm được thuận tiện.

- Bố trí các đường vận chuyển sản phẩm không gây cản trở cho việc đi lại của người dân và làm hỏng kết cấu mặt đường.

* Cấp điện: sử dụng các nguồn điện hiện có và quy hoạch nguồn điện mới cho phù hợp.

* Cơ sở hạ tầng các công trình về Văn hoá, giáo dục:

- Nhà văn hoá thôn, làng ; Sân thể thao thôn làng.

- Trường lớp học mẫu giáo, tiểu học tại thôn làng.

* Cấp nước: sử dụng các nguồn nước mưa; nước ngầm, nước mặt dùng trong sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp chủ yếu từ các suối,... Quy hoạch hệ thống cấp nước cho phù hợp.

* Thoát nước bản, thu gom và xử lý CTR; nghĩa trang nông thôn.

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ tại chỗ được dẫn chung ra cống, mương thoát nước đặt trong các ngõ, xóm rồi đổ ra suối...

- Thu gom và xử lý CTR sinh hoạt tại các thôn, bản đến điểm tập trung để xử lý.

- Sử dụng nghĩa địa hiện có, cần khoanh định các nghĩa địa hiện có và quy hoạch mới đất nghĩa địa hợp lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

5.4. Yêu cầu về đảm bảo vệ sinh môi trường trong các thôn, bản

- Các điểm dân cư ở nông thôn tập trung phải có hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, hợp vệ sinh.

- Cần tận dụng các ao hồ, kênh, rạch, để thoát nước và làm sạch nước thải tự nhiên.

- Nước thải từ các làng nghề sản xuất, các trại chăn nuôi, sản xuất chế biến nông sản bị nhiễm bẩn và gây độc hại phải được phân loại và thu gom ra hệ thống thoát nước riêng hợp vệ sinh và xử lý đạt yêu cầu về môi trường.

- Phải xây dựng nhà xí hợp vệ sinh, không xả phân trực tiếp xuống ao, hồ, hầm cá...

- Chuồng trại chăn nuôi phải cách xa nhà ở, phân nước tiểu từ chuồng trại phải được thu gom và có giải pháp xử lý phù hợp.

- Chất thải từ các hộ gia đình phải được phân loại, thu gom và xử lý.

5.5. Đánh giá môi trường chiến lược:

* *Phân tích, dự báo tác động và diễn biến môi trường khi chưa thực hiện quy hoạch xây dựng:*

- Mô tả tổng quan hiện trạng môi trường và diễn biến môi trường xã hội có liên quan đến xây dựng và các thành phần môi trường tự nhiên. Đánh giá mức độ suy thoái về môi trường, nguyên nhân và diễn biến môi trường trong tương lai khi chưa thực hiện quy hoạch xây dựng.

- Dự báo tác động và diễn biến môi trường do hoạt động từ các khu dân cư, cơ sở sản xuất công nghiệp, xử lý chất thải trên cơ sở định hướng phát triển không gian.

** Phân tích, dự báo tác động và diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch xây dựng:*

- Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch và các mục tiêu bảo vệ môi trường.
- Nhận diện diễn biến và các tác động môi trường chính có thể xảy ra khi thực hiện quy hoạch xây dựng.
- Phân tích, tính toán, dự báo các tác động và diễn biến môi trường trên cơ sở các dữ liệu của các phương án quy hoạch xây dựng.
- Phân tích, dự báo các tác động và diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch.

** Các giải pháp quy hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện:*

- Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường; kế hoạch quản lý và giám sát môi trường.
- Tổng hợp, đề xuất, xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường (các không gian xanh, hành lang bảo vệ sông hồ, các khu vực hạn chế phát triển...)

6. Hồ sơ bản vẽ, số lượng hồ sơ, tổng dự toán chi phí:

6.1. Hồ sơ bản vẽ:

Thành phần hồ sơ bản vẽ theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Hồ sơ gồm:

- Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng, tỷ lệ thích hợp.
- Bản đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây dựng; tỷ lệ: 1/10.000.
- Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã; tỷ lệ: 1/10.000.
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất; tỷ lệ: 1/10.000.
- Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; hạ tầng phục vụ sản xuất; tỷ lệ: 1/10.000.
- Báo cáo tổng hợp gồm Thuyết minh và các văn bản pháp lý đi kèm.

6.2. Số lượng hồ sơ:

Số lượng hồ sơ: + 07 bộ bản vẽ.

+ 07 bộ thuyết minh và bản vẽ A3.

6.3. Tổng dự toán chi phí lập quy hoạch: Theo dự toán được phê duyệt .

7. Tiến độ, tổ chức thực hiện:

7.1. Tiến độ:

- * Thời gian lập hồ sơ : Bắt đầu từ ngày ký hợp đồng.
- * Thời gian thực hiện : Năm 2022.

7.2. Tổ chức thực hiện:

- * Cơ quan phê duyệt quy hoạch : Ủy ban nhân dân huyện KBang.
- * Cơ quan thẩm định quy hoạch : Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện KBang.
- * Chủ đầu tư : Ủy ban nhân dân xã Đông.
- * Đơn vị lập quy hoạch : Theo quy định của Luật đấu thầu.

8. Nguồn vốn: Ngân sách.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. GL

1. *nk*

Nguyễn Văn I

Nguyễn Văn Dũng